míng chóng

# 螟虫

noun · boring insect, pest

## Example Sentence

Nóng mín yòng nóng yào lái xiāo miè míng chóng
农 民 用 农 药 来 消 灭 螟 虫 。

Farmers use pesticides to kill boring insects.

Trace each character, then write the word on your own.

螟 螟 螟 螟 螟 螟 螟 螟 螟 螟 螟
螟 螟 螟 螟 螟 螟 螟 螟

虫 虫 虫 虫 虫 虫 虫 虫 虫